

# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2013, VỤ ĐÔNG NĂM 2013-2014

**N**hằm chuẩn bị tốt nhất các điều kiện sản xuất vụ mùa năm 2013, vụ đông năm 2013-2014, ngày 5/3/2013 Sở NN&PTNT tỉnh Bắc Giang có Kế hoạch số 408/KH-SNN về sản xuất vụ Mùa năm 2013, vụ đông năm 2013-2014.

Theo đó, vụ mùa năm 2013 toàn tỉnh phấn đấu gieo trồng 70.000 ha. Trong đó, cây trồng chính cụ thể như sau:

- Cây lúa: Diện tích 58.500 ha, năng suất dự kiến đạt 53 tạ/ha, sản lượng 310.050 tấn. Cơ cấu trà lúa: Trà lúa sớm diện tích 30.000 ha, chiếm 51,3%; trà mùa chính vụ diện tích 24.500 ha, chiếm 41,9%; trà mùa muộn diện tích 4.000 ha, chiếm 6,8%; lúa lai 3.300 ha; lúa chất lượng 8.000 ha, trong đó lúa thơm chất lượng 4.500 ha.

- Cây ngô: Diện tích 1.600 ha, năng suất dự kiến 38 tạ/ha, sản lượng 6.000 tấn.

- Cây lạc (lạc thu): Diện tích 1.750 ha, năng suất dự kiến 21 tạ/ha, sản lượng 3 667 tấn.

- Khoai lang: Diện tích 2.000 ha, năng suất dự kiến 87 tạ/ha, sản lượng 17.300 tấn.

- Rau, đậu các loại: Diện tích 6.150 ha, năng suất dự kiến 125 tạ/ha, sản lượng 76.875 tấn; trong đó: Diện tích RCB, RAT 600 ha.

\* Giải pháp về giống (vụ mùa):

- Đối với cây lúa:

+ Trà mùa sớm: Sử dụng các giống lúa thuần như: KD18, ĐB5, ĐB6... các giống lúa chất lượng như: Hương thơm số 1, Bắc thơm số 7, QR1, RVT, VS1, Nàng Xuân, HT6... và các giống lúa khác có thời gian sinh trưởng tương đương.

+ Trà mùa chính vụ: Sử dụng các giống lúa lai như Syn6, Thục Hưng 6, Đắc ưu 11, Kim ưu 18, HKT99, Bio404, BTE-1, XL, Hòa Gia 8, TH3-3, LC212, Bắc ưu 903 KBL... các giống lúa thuần như: BG1, BC15, KD18, Q5, ĐB5, ĐB6... các giống lúa chất lượng như: Hương thơm số 1, Bắc thơm số 7, QR1, RVT, VS1, Nàng Xuân, HT6... và các giống lúa khác có thời gian sinh trưởng tương đương.

+ Trà mùa muộn: Sử dụng các giống như: Bao thai lùn, nếp, Việt lai 20... và các giống lúa khác có thời gian sinh trưởng tương đương.

- Cây lạc, đậu tương: Sử dụng các giống có năng suất cao, ổn định và có khả năng chống chịu tốt như: Giống lạc L14, L23, MD7...; giống đậu tương ĐT 12, DT 99...

\* Giải pháp về kỹ thuật:

- Cây lúa:

+ Trà mùa sớm: Thời gian gieo mạ từ ngày 01 - 10/6, cấy trong tháng 6 và kết thúc trước ngày 10/7.

+ Trà mùa chính vụ: Thời gian gieo mạ từ ngày 10 - 20/6, cấy xong trước ngày 25/7.

+ Trà mùa muộn: Thời gian gieo mạ từ ngày 5 - 10/7, cấy kết thúc trước ngày 30/8.

Riêng đối với huyện Sơn Động và một số xã vùng cao của huyện Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế thì tùy vào điều kiện cụ thể của địa phương để bố trí khung lịch thời vụ gieo trồng hợp lý.

- Đậu tương hè: Đảm bảo gieo trồng xong trước ngày 20/6.

- Lạc thu: Trồng trên đất bãi từ ngày 15-30/7, trên đất ruộng từ ngày 5-15/8.

Kế hoạch sản xuất vụ đông 2013-2014 với tổng diện tích gieo trồng 22.000 ha. Trong đó cây trồng chính cụ thể như sau:

- Cây ngô: Diện tích 4.000 ha, năng suất dự kiến 38 tạ/ha, sản lượng 15.200 tấn.

- Cây lạc: Diện tích 1.600 ha, năng suất dự kiến 24 tạ/ha, sản lượng 3.840 tấn.

- Khoai lang: Diện tích 4.000 ha, năng suất dự kiến 120 tạ/ha, sản lượng 48.000 tấn.

- Rau, đậu các loại: Diện tích 12.400 ha, năng suất dự kiến 100 tạ/ha, sản lượng 124.000 tấn. Trong đó: Khoai tây: 2.300 ha, năng suất 130 tạ/ha, sản lượng 29.900 tấn; RAT, RCB là 1.750 tấn.

\* Giải pháp về giống (vụ đông):

- Cây ngô: Sử dụng các giống như: NK4300, NK6654, NK66, LVN10, LVN4...

- Cây lạc: Sử dụng các giống chủ lực L14, L23, MD7...

- Cây đậu tương: Sử dụng các giống chủ lực như: DT96, DT84, DT26...

- Cây khoai tây: Ưu tiên sử dụng các giống khoai tây chất lượng sạch bệnh như giống: Atlantic, Diamant, Solara, Marriela...

\* Giải pháp về kỹ thuật:

Thời vụ trồng:

- Cây ngô: Giống trung, ngày tiến hành gieo hạt đến khi kết thúc xong trước ngày 30/9; giống ngắn ngày, gieo hạt kết thúc trước ngày 5/10, trồng ra ruộng xong trước ngày 10/10; chỉ đạo nông dân áp dụng kỹ



*Theo kế hoạch, vụ mùa năm 2013 toàn tỉnh phấn đấu gieo trồng 70.000 ha.*

thuật trồng ngô bầu cho 100% diện tích để đảm bảo thời vụ.

- Cây lạc và cây đậu tương: Thời vụ trồng kết thúc trước ngày 10/10.

- Khoai lang: Thời vụ trồng kết thúc trước ngày 20/10.

- Khoai tây: Thời vụ trồng từ ngày 15/10, kết thúc trước ngày 15/11.

Để đảm bảo diện tích gieo trồng cũng như năng suất theo dự kiến, các đơn vị chức năng, cơ quan chuyên môn trên địa bàn cần chủ động trong công tác phối kết hợp thực hiện; chọn lọc và nhân rộng các giống cây trồng có giá trị sản xuất cao, khuyến khích nông dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh mới, làm tốt công tác dự tính, dự báo về thời tiết, sâu bệnh hướng dẫn nông dân phòng trừ kịp thời, hiệu quả./.

**Kim Lan**

# MÔ HÌNH NÔNG THÔN MỚI Ở XÃ ANH HÙNG

**C**húng tôi về xã Tân Hưng trong cái nắng đầu hè giữa tiếng ve kêu rộn rã. Những cánh đồng lúa trĩu bông đang chuyển sang “úa lá gừng” chuẩn bị cho mùa gặt. Đó đây còn sót lại những ruộng dưa chuột cuối vụ như khoe với du khách về một vùng quê đang làm giàu từ đất. Dân cư ven đường 295 ở san sát như con phố nhỏ với nhiều nhà cao tầng, các loại xe ô tô, cửa hàng tạp hóa. Nhưng nhiều nhất vẫn là các xưởng chế biến gỗ ngày đêm nhộn nhịp. Cảnh sắc ấy vẽ lên bức tranh về một vùng quê đang chuyển mình trong xây dựng nông thôn mới.

Tân Hưng nằm ở phía Đông huyện Lạng Giang, với trên 1 vạn người của 6 dân tộc anh em chung sống. Là vùng quê giàu truyền thống cách mạng, trong các cuộc kháng chiến, Tân Hưng nổi tiếng với những đội du kích chống càn, phá đường, diệt Tề Ngụy lập nhiều chiến công xuất sắc; được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Khi được chọn là một trong 4 xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015, Đảng bộ và nhân dân nơi đây rất phấn khởi, song cũng không khỏi băn khoăn. Nhưng với quyết tâm từ cơ sở, những ý tưởng ban đầu đã hiện ra. Ông Hoàng Văn Điểm, Chủ tịch UBND xã Tân Hưng chỉ tấm bản đồ, nói ngắn gọn: “*Tân*

*Hưng là xã bán sơn địa, nhưng chỉ có 2 mạch đồi thấp chạy theo hướng Đông - Tây nằm ở phía Nam và phía Bắc. Những cánh đồng kéo dài và xen kẽ xóm làng dọc theo tỉnh lộ 295, đất nông nghiệp chiếm 71,4% diện tích tự nhiên, còn lại là đất phi nông nghiệp. Xã chúng tôi đã có rất nhiều tiềm năng cần được khai thác để xây dựng nông thôn mới...”*

Nhìn những con đường xi măng rộng rãi nổi bật lên về các thôn đủ cho các loại xe vận tải chạy. Những cánh đồng lúa chín, những nhà cao tầng nhiều kiểu dáng ẩn mình sau tán cây xanh, như phô thêm sự no ấm. Anh cán bộ phụ trách giao thông thủy lợi hào hứng nói: “*Tân Hưng có gần 80 km đường các loại, đã cứng hóa được 41,5% tổng số chiều dài, trong đó đường trục xã đạt 90,4%. So với bộ tiêu chí quốc gia thì chúng tôi gần đạt, chỉ từ nay đến cuối năm sẽ đạt chuẩn”*.

Trên cách đồng, những con mương dọc ngang được kiên cố hóa luôn đảm bảo đủ nước tưới cho 80% diện tích canh tác, kể cả những thửa ruộng xen kẽ trong các mạch đồi. Tân Hưng đã đầu tư nhiều tỷ đồng để xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Nhà ở của dân, có 79,1% nhà bán kiên cố, 20% nhà cao tầng. Những con số này phần nào nói lên sự năng động của người dân nơi đây trong đổi mới cách nghĩ, cách làm ăn, sớm tiếp cận với sản

## XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

xuất hàng hóa. Ngay từ khi mới có “khoán 100”, thôn Tân Dinh đã đưa cây đỗ leo vào trồng. Mà người dân thường gọi là đỗ Long Châu, bởi hạt trắng bóng và ánh lên như viên bạch ngọc. Mỗi sào đỗ, người dân đầu tư hết khoảng 2,5 triệu đồng, sau 3 tháng là cho thu hoạch, năng suất vụ sớm đạt 8 tạ, trồng chính vụ đạt 1,7 tấn mỗi sào, giá bán từ 5.000 đến 13.000 đồng, cho lãi từ 8 đến 10 triệu đồng, gấp nhiều lần so với cấy lúa. Cây đỗ Long Châu dần được nhân rộng, theo đó đời sống của người dân cũng dần khấm khá lên. Và Tân Hưng trở thành vùng trồng đỗ Long Châu lớn nhất huyện. Khách hàng khắp nơi tìm đến thu mua, mang đi tiêu thụ ở miền Trung hoặc miền Nam. Khi mới ra lập nghiệp, ông Phạm Văn Hợp ở thôn Tân Dinh, thuộc diện hộ nghèo vì đông con. Hơn 10 năm qua ông trồng đỗ Long Châu với diện tích vài sào mỗi vụ. Khi trúng mùa được giá, có ngày ông thu tiền triệu, nhờ vậy mà cuộc sống gia đình ông dần dần ổn định. Trong ngôi nhà khang trang đầy đủ tiện nghi, ông Hợp phấn khởi chia sẻ: “*Đỗ Long Châu đã giúp tôi có được sự no ấm, để tôi có điều kiện cho các cháu được học hành, tôi sẽ gắn bó lâu dài với cây trồng này. Nó có giá trị cao, làm thay đổi cuộc sống nông dân*”.

Thôn Sông Cù lại chuyên canh cà chua, cải bắp, su hào sớm cũng cho thu nhập khá. Đứng bên thửa ruộng mới thu hoạch để cấy lúa mùa sớm, rồi trồng cây vụ đông, ông Nguyễn Văn Khanh - Bí thư Chi bộ thôn Sông Cù tâm sự: “*Cây su hào, cải bắp, cà chua sớm giúp người dân thôn tôi khấm khá. Hàng năm thôn trồng*

*trên 20 mẫu. Mỗi sào đầu tư hết chừng 1,2 triệu đồng nhưng thu đạt từ 4,2 đến 6 triệu đồng, cho lãi gấp 3 đến 5 lần cấy lúa. Không có cây trồng nào có thể thay thế được su hào, cải bắp sớm trên đồng đất này*”.

Mấy năm nay, Tân Hưng đưa cây dưa chuột vào trồng tập trung, với 50 ha mỗi vụ, trong đó 25% là dưa chuột bao tử xuất khẩu. Còn lại là dưa chuột giống cũ được bán ở nhiều nơi trong nước. Vụ dưa xuân 2012, Tân Hưng thu về trên 3 tỷ đồng. Tân Hưng đã hình thành lên những cánh đồng cho thu nhập cao như: Cánh đồng đỗ Long Châu ở Tân Dinh; cánh đồng trồng táo ở Tân Thành; dưa chuột ở Tân Dinh, Chuông Vàng, Đồng Nô; lạc ở Trung Phú. Mặt khác, Tân Hưng còn đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, với nhiều mô hình trang trại, gia trại có quy mô hàng trăm đầu lợn, hàng ngàn con gia cầm. HTX Nông nghiệp và Quỹ Tín dụng nhân dân phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cung cấp nguồn vốn phục vụ cho sản xuất là những điểm tựa vững chắc cho người dân sản xuất - kinh doanh.

Ngoài nông nghiệp, Tân Hưng còn tích cực tham gia dịch vụ và một số nghề phụ như mộc dân dụng, khi có thị trường và nguyên liệu thuận lợi. Xã có trên 50 xưởng, nằm dọc theo tỉnh lộ 295, giải quyết việc làm cho trên 700 lao động, mỗi ngày các xưởng này tiêu thụ trên 100m<sup>3</sup> gỗ tròn, chế biến 1 đến 2 công ten nơ ván sản xuất đi Hải Phòng. Các xưởng còn sơ chế đóng đồ dân dụng, phen lót bê tông và mùn cưa chế biến củi xuất khẩu. Người lao động có việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định khoảng 3 triệu đồng mỗi

tháng. Vào thăm xưởng gỗ của ông Nguyễn Văn Thanh ở khu vực thôn Đồng Nô, với 10 lao động đang miệt mài làm việc. Những cây gỗ keo, bạch đàn được xẻ thành thanh ván sàn xuất khẩu. Những phần còn lại xẻ đóng thùng hàng và lót bê tông. Vợ chồng ông Thanh đều là cán bộ công tác ở Hà Nội, khi nghỉ hưu về quê mở xưởng. Ông Thanh khẳng định: “*Nghề chế biến gỗ đòi hỏi kỹ thuật không cao, vốn không nhiều, nhưng phải có mặt bằng khá rộng để làm kho bãi chứa. Với gia đình, việc mở xưởng gỗ này, mỗi tháng thu thêm hơn 10 triệu đồng, nhưng quan trọng hơn là giải quyết việc làm cho con cháu*”.

Ngoài ra, Tân Hưng còn phát triển dịch vụ vận tải, với trên 100 ô tô, không chỉ phục vụ các xưởng gỗ, mà có hàng chục xe vận tải hạng nặng chuyên vận tải hàng hóa Lạng Sơn - miền Nam, góp phần lớn cho sự phát triển kinh tế và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng “Ly nông bất ly hương”. Năm 2011, giá trị các ngành kinh tế chủ yếu của Tân Hưng đạt 161 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ phi nông nghiệp chiếm 58%. Bình quân thu nhập đầu người đạt 15 triệu đồng/năm, đất nông nghiệp đạt giá trị 72 triệu/ha/năm. An sinh xã hội được đảm bảo, Tân Hưng là xã duy nhất của Lạng Giang thực hiện cấp đồ khâm niệm cho công dân qua đời và tặng quà cho các cụ 71 tuổi trở lên vào dịp Tết Nguyên đán trong suốt 20 năm qua. Kinh tế phát triển, đời sống của nhân dân Tân Hưng không ngừng được cải thiện và tỷ lệ hộ nghèo còn 5,92%.

Theo đề án, Tân Hưng phải mở rộng

đường thôn và mương máng, nên đã vận động nhân dân hiến đất. Ông Lê Công Lệ, 78 tuổi đời, 50 năm tuổi Đảng và con là Lê Công Châm ở thôn Chuông Vàng đã tự nguyện hiến 134 m<sup>2</sup> đất thổ cư để mở rộng đường. Việc làm ấy đã lôi cuốn 15 hộ khác trong thôn hiến 756 m<sup>2</sup> đất và một số thôn khác cũng dấy lên phong trào này. Kết quả toàn xã có 89 hộ hiến hơn 3.000 m<sup>2</sup> đất để xây dựng cơ sở hạ tầng. Đồng thời xã đầu tư nâng cấp kênh V4, tưới nước cho 80 ha đất canh tác ở các thôn Hồ Vầu, Rừng Hương, Chuông Vàng và triển khai bảo vệ môi trường, sản xuất lúa chất lượng, tạo ra những điểm nhấn mới trong sản xuất và đời sống. Chia tay Tân Hưng trong cái bắt tay xiết chặt, đồng chí Nguyễn Thiện Chí, Bí thư Đảng ủy xã Tân Hưng đã bộc bạch: “*Khi bắt tay vào xây dựng nông thôn mới, Tân Hưng đạt 8/19 tiêu chí, sau 01 năm có thêm 3 tiêu chí được công nhận hoàn thành là quy hoạch, bưu điện văn hóa, xã có Internet đến thôn đã đưa tổng số tiêu chí đạt được là 11. Năm 2012, Tân Hưng phấn đấu đạt tiếp 3 tiêu chí giao thông, thủy lợi và thu nhập của người dân là cái đích mà chúng tôi đi tới*”.

Như vậy, sau một thời gian chưa dài, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc của xã Tân Hưng anh hùng đang biến mô hình nông thôn mới từ trong lý thuyết trở thành hiện thực./.

**Văn Bằng (s/t)**

# ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT LÀM GIÀU TRÊN ĐẤT QUÊ HƯƠNG

Về Phúc Hòa, Tân Yên mùa này, ai cũng choáng ngợp trước khung cảnh những đồi vải thiều trải dài tới ngút mắt đang mùa kết trái. Cây vải sớm đã gắn bó và làm thay đổi cuộc sống của không ít người dân nơi đây từ hàng chục năm nay. Nhiều nông dân đã làm giàu từ chính đồi bãi quê hương mà tưởng chừng chỉ dành cho những sim, mua mọt ấy.

Tân Yên là một huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, có tổng diện tích đất tự nhiên là 204 km, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 12,825ha. Vải là cây ăn quả lâu năm, được người dân nơi đây tin tưởng là cây xóa đói giảm nghèo. Với tổng diện tích trồng vải là 1.600 ha, trong đó diện tích vải sớm là hơn 750 ha (năm 2012), mỗi năm cho sản lượng hơn 8.100 tấn với giá trị lên đến trên 65 tỷ đồng. Cây vải đã và đang tạo dựng được thương hiệu vải Tân Yên trên thị trường hàng nông sản Việt Nam, mang lại cuộc sống ấm no, đầy đủ hơn cho người nông dân Tân Yên.

Nằm gần trung tâm xã, Lân Thịnh là thôn có nhiều triệu phú giàu lên từ kinh tế đồi vườn nhất. Hỏi đến ông Đỗ Đức Thắng, ai cũng biết đến như một tấm gương điển hình với mô hình vườn, đồi kết hợp chăn nuôi của mình. Ông là một nông dân năng động, sáng tạo, cần cù lao động

để khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh làm giàu chính đáng trên mảnh đất quê hương với thu nhập lên đến hàng trăm triệu đồng mỗi năm từ mô hình kinh tế tổng hợp thâm canh, xen canh...

Ông cho biết: Ông sinh ra trong một gia đình nghèo ở vùng quê Tân Yên, lớn lên rồi lập gia đình, sinh liền 3 người con, kiếm đủ các kế sinh nhai mà cái nghèo vẫn đeo đẳng gia đình ông. Cuộc sống quanh quẩn với cây lúa, củ khoai với mấy sào ruộng khoán không có gì khởi sắc. Nhìn quanh mình chỉ có thấy từng đồi sim, bạch đàn, dương xỉ mọc hoang. Không cam chịu phận nghèo, cứ ở đâu ông nghe có mô hình kinh tế hiệu quả cao, ông lại tìm đến để tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm, rồi tích cực tham gia các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật,... Sau mỗi lần học tập đó, ông nhận ra rằng muốn thoát nghèo, không cần đi đâu xa mà làm ngay trên chính mảnh đất quê hương mình. Từ đó, ông tìm hiểu và nghiên cứu kỹ thế mạnh trên mảnh đất mình đang sống. Ông nhận thấy, điều quan trọng nhất là cần phải đổi mới tư duy sáng tạo, phát triển thế mạnh của mô hình kinh tế tổng hợp quy mô lớn, về trồng cây ăn quả, chăn thả gà vườn đồi và trồng rau ngắn ngày.

Ông cho biết để thực hiện ý tưởng



*Vải thiều sớm tại thôn Lân Thịnh xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên.*

này, từ những năm 90, khi vườn đồi rộng rãi còn rậm rạp những bạch đàn và dương xỉ, chưa ai biết sẽ trồng cây gì, thì ông lặn lội đi xuống tận tỉnh Hải Dương để tìm hiểu về cách trồng, chăm sóc cho giống vải Thanh Hà nổi tiếng nơi đây. Khi mà cây vải vẫn còn khá xa lạ với người dân quê hương mình, ông đã mạnh dạn tiên phong mua cả một quả đồi rộng lớn, khai phá, cải tạo và trồng hàng trăm gốc vải thiều. Đầu tư lớn về cây giống, ông cùng gia đình dày công chăm sóc từng gốc cây. Chỉ sau 3 năm, cây vải thiều đã có thể cho thu hoạch. Nhưng do mới đầu tư, chưa có nhiều kinh nghiệm trong chăm sóc nên chất lượng quả vải khi thu hoạch không

đáp ứng được nhu cầu thị trường. Quả vải sâu nhiều, trái không được to, mã không được đẹp, chín không đúng thời điểm,... không nản lòng, ông càng quyết tâm tìm hiểu, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm qua từng năm. Trời đã không phụ lòng người có tâm huyết, những năm tiếp theo, cây vải của ông trồng cho năng suất cao, từng bước giúp gia đình ông thoát nghèo đồng thời có thêm số vốn để tích lũy.

Đến đầu những năm 2000, khi cây vải đã được trồng khá phổ biến, ông nghĩ đến việc trồng vải sớm, giống vải lai mang lại hiệu quả, năng suất cao hơn, cho thu hoạch sớm hơn vải thiều trên dưới một tháng, do đó bán được giá. Điều quan

trọng nhất là cây vải sớm rất phù hợp với chất đất ở quê mình. Ông đã tìm hiểu và từng bước chuyển đổi từ cây vải thiều sang cây vải sớm. Cây vải sớm trồng chỉ 3 năm đã cho thu hoạch. Nhờ chịu khó học hỏi, tham quan các mô hình vườn đồi ở nhiều nơi, tham gia tích cực các lớp học hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông, Khuyến lâm, tìm hiểu qua sách, báo, các ấn phẩm khoa học công nghệ... để có thể tích lũy kiến thức, áp dụng các khoa học kỹ thuật tiên tiến, áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật mới nhất để nâng cao chất lượng và sản lượng cho vườn cây ăn quả của gia đình mình. Vải tại vườn nhà ông luôn được các thương lái tin tưởng cả về mẫu mã và chất lượng do được ông áp dụng chặt chẽ các quy trình chăm sóc, nên đầu ra luôn được đảm bảo. Mỗi năm, với gần 1 ha đồi vải mang lại cho gia đình ông trên chục tấn vải quả, thu nhập hơn 120 triệu mỗi năm. Trừ các chi phí về phân bón, thuốc trừ sâu, cây vải cũng mang lại cho gia đình ông hàng trăm triệu đồng.

Không dừng lại ở đó, khi cây vải lớn lên, các cây vải đã tạo tán lớn làm bóng mát. Ông nghĩ đến việc tận dụng địa hình đồi cao, khô ráo rất thuận lợi cho chăn nuôi gia cầm để tăng thu nhập. Học hỏi kinh nghiệm của các hộ nuôi gà tại Yên Thế, ông tìm hiểu các giống gà, cách chăm sóc, phòng ngừa bệnh, các cách kết hợp chăn nuôi gà với vườn vải để không làm hại cây vải. Ông đã bắt đầu tiến hành nuôi thả gà với quy mô lớn dần. Vừa tận dụng được địa thế để nuôi thả những giống gà chất lượng, đồng thời cũng tạo ra một nguồn phân bón hữu cơ rất tốt cho

cây vải của gia đình mình. Hiện nay mỗi năm, gia đình ông nuôi từ 3-4 lứa gà thịt, với mỗi lứa khoảng 1.000 con, tuy giá cả lên xuống thất thường nhưng hiệu quả kinh tế mang lại vẫn rất khả quan. Trung bình mỗi năm, trừ tất cả các chi phí về giống, thức ăn, thuốc thú y, gia đình ông thu lãi từ chăn nuôi khoảng 50 triệu đồng. Bên cạnh việc phát triển mô hình kết hợp vườn đồi trồng cây ăn quả với chăn nuôi, những mảnh ruộng ở địa thế cao, ông đưa cây vải ra trồng; với những mảnh ruộng dưới thấp, gia đình ông còn tận dụng để trồng rau xanh. Mùa nào thức nấy, vợ chồng ông tận dụng hơn 3 sào ruộng để trồng rau bán ra thị trường.

Với lòng quyết tâm và tinh thần ham học hỏi, chịu thương chịu khó của gia đình ông Đỗ Đức Thắng ở thôn Lan Thịnh, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, chúng tôi tin tưởng các mô hình sản xuất nông nghiệp như gia đình ông đã và sắp triển khai sẽ thành công rộng khắp góp phần xây dựng kinh tế gia đình và quê hương giàu đẹp./.

**Trần Phương**



# HIỆU QUẢ

## TỪ NUÔI HƯƠNG SAO

**N**uôi hương sao hiện nay không những là một hoạt động giúp loài động vật quý hiếm này phát triển số lượng đàn mà còn mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nuôi. Hiện nay các sản phẩm từ hương sao được coi là dược liệu quý, giúp tăng cường sức khỏe và chữa được nhiều bệnh nên hương sao và các sản phẩm từ hương sao đang trở nên ngày càng cần thiết với nhiều người tiêu dùng. Năm bắt được tâm lý đó nên gia đình ông Nguyễn Văn Toàn – thôn Tân Chính – xã Đại Hóa – huyện Tân Yên đã mạnh dạn đầu tư, chuyển sang chăn nuôi loại động vật này.

Trước đây, gia đình ông từng chăn nuôi gia cầm nhưng trong quá trình nuôi, đàn gia cầm hay bị bệnh cộng với giá cả bấp bênh nên thu nhập không cao. Trong một lần cùng Hội Nông dân của xã đi thăm quan mô hình làm kinh tế giỏi tại Hà Tĩnh, ông ấn tượng với mô hình nuôi hương của người dân ở đây, vậy là ông quyết tâm vay mượn vào Hà Tĩnh mua hai con hương bố và bốn con hương mẹ. Vào thời điểm đó, nhiều người dân nơi đây còn hoài nghi về cách làm mới này của ông, bởi ông đã từng rời quê hương lên tận tỉnh Hà Giang lập nghiệp với mô hình kinh tế VAC nhưng không thành công. Tại đây, ông học hỏi cách chăm sóc vật nuôi tỉ mỉ để áp dụng tại gia đình. Theo ông chuồng nuôi hương

phải được xây dựng ở nơi cao ráo, thoáng mát. Hương chuồng tốt nhất là hương Nam hoặc Đông Nam để điều hòa khí hậu chuồng nuôi. Chuồng cho hương cần có độ bền vững, chắc chắn, mái chuồng cao, thoáng mát, có độ nghiêng, cần phân chuồng thành các ô cho từng giai đoạn khác nhau để dễ quản lý và chăm sóc. Thức ăn cung cấp cho hương phải cân đối phù hợp, gồm hai loại thức ăn xanh và thức ăn tinh. Với nguồn thức ăn xanh, ông cho ăn chủ yếu là cỏ voi, lá mía. Việc lựa chọn thức ăn cho hương được ông quan tâm hàng đầu, không bao giờ ông cho hương ăn các loại gạo, cám ẩm, mốc, cỏ cho hương cũng luôn sạch, khô ráo. Bởi nếu để cỏ bị ươn thì đây rất có thể là nguồn lây bệnh cho hương.

Hiện tại, nhu cầu nhung hương trên thị trường là rất lớn, nguồn cung không đủ cầu. Với giá bán bình quân 2 triệu đồng/100gram nhung hương. Một năm một con hương cho hai lần cắt nhung, với trọng lượng mỗi lần từ 0,8-1kg. Năm 2012, ông thu được hơn 80 triệu đồng từ bán hương giống và nhung hương. Trong lứa thu hoạch nhung đầu năm 2013, ông thu thêm 25 triệu đồng. Không chỉ lấy nhung, ông còn nuôi thêm hương cái để sinh sản, nhân đàn. Mỗi năm, hương sinh sản một lần, với giá bán 15 triệu đồng/con hương giống. Chính vì vậy, từ 6 con giống đưa từ Hà Tĩnh về,



*Đàn hươu nhà ông Nguyễn Văn Toàn – thôn Tân Chính – xã Đại Hóa – huyện Tân Yên.*

sau 4 năm, trại nuôi hươu của ông Toàn đã lên đến 16 con. Ngoài nuôi hươu lấy nhung ông còn cung cấp hươu giống cho bà con trong vùng. Xét về hiệu quả kinh tế ông cho rằng nên phát triển đàn hươu vì cho nguồn thu nhập ổn định, nhất là các sản phẩm từ hươu đang được bán với giá rất cao, thị trường luôn khan hiếm. Nguồn vốn đầu tư ban đầu để nuôi hươu có thể lớn hơn các loại vật nuôi khác nhưng về lâu dài lợi nhuận mang lại là cao hơn và có nguồn thu nhập ổn định, ít bị biến động bởi thị trường giá cả. Nghề nuôi hươu cũng phù hợp với những gia đình có ít

nhân lực bởi nuôi hươu không tốn nhiều công lao động, nguồn thức ăn dễ kiếm. Hy vọng chăn nuôi hươu sẽ mở ra cơ hội làm giàu cho nhiều người dân nơi đây./.

**Thanh Thanh**

# NGƯỜI TIÊN PHONG VỚI MÔ HÌNH NUÔI CHIM BÒ CÂU PHÁP

Cùng với tốc độ phát triển của nền kinh tế đất nước, nhu cầu tiêu dùng các giá trị vật chất cũng như tinh thần của con người ngày một tăng lên. Nắm bắt những nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng ấy, nhiều bà con nông dân tại các địa phương đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để đáp ứng kịp nhu cầu thị trường, từ đó làm giàu cho gia đình và xã hội.

**Đ**ến thăm mô hình nuôi chim bồ câu Pháp của anh Vũ Trọng Tạo, thôn Làng Tón, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, ấn tượng đầu tiên là hàng trăm cặp chim bồ câu lông trắng, chân hồng được nuôi nhốt rất khoa học. Nhẹ nhàng bắt một con bồ câu cho chúng tôi xem, anh Tạo cho biết: Hiện trại có khoảng 350 cặp bồ câu bố mẹ sinh sản và luôn có 100 cặp bồ câu giống hậu bị sinh sản để phục vụ nhu cầu con giống, tất cả đều là giống của Pháp. Anh Tạo được xem là người đi tiên phong trong xã với mô hình nuôi chim bồ câu Pháp.

Cũng như nhiều hộ gia đình khác ở địa phương, anh Vũ Trọng Tạo xây dựng kinh tế gia đình từ chăn nuôi gà, lợn thịt, nuôi bò, kết hợp làm nông nghiệp. Tuy nhiên, hướng phát triển đó dường như không mang lại kết quả cao. Bản khoăn tìm cho mình một con đường đi thích hợp thì tình cờ anh Tạo bắt gặp mô hình nuôi chim bồ câu lai của một người bạn. Thấy mô hình này cho hiệu quả kinh tế cao, anh

bắt đầu mê nghề nuôi chim bồ câu.

Để có thể bắt tay thực hiện mô hình mới, anh Tạo đã tích cực trang bị kiến thức về nuôi chim bồ câu qua mạng Internet, sách báo, tivi... đồng thời đi thăm quan thực tế các mô hình đã nuôi thành công loài vật này ở khắp miền Bắc và miền Nam. Trở về sau một quá trình học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, anh Tạo quyết định đầu tư làm lồng, trại chăn nuôi và mua 50 đôi chim bồ câu giống Pháp về nuôi thử, mỗi cặp bồ câu giống khi đó giá 350.000 đồng. Qua một thời gian nuôi thử nghiệm, anh Tạo nhận thấy nuôi bồ câu là hướng đi mới, đúng đắn, đem lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi vì thị trường tiêu thụ chim là rất lớn.

Luôn mạnh dạn, hăng hái, tích cực với mô hình mới, cùng sự nhanh nhạy trong việc tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu thị trường, anh Tạo đã quyết định mở rộng mô hình nuôi chim bồ câu Pháp. Anh xây dựng 2 mô hình nuôi khoa học: Nuôi lồng công nghiệp, và nuôi thả trong nhà lưới (bán công nghiệp). Nhờ được chăm sóc

đúng kỹ thuật nên từ 50 cặp chim giống, đến nay, gia đình anh đã có khoảng 450 cặp bồ câu gồm bố mẹ và bồ câu giống hậu bị.

Đưa chúng tôi đi thăm quan mô hình nuôi chim bồ câu của gia đình, anh Tạo vui vẻ chia sẻ kinh nghiệm và kỹ thuật chăm sóc: Nuôi chim bồ câu không khó, không tốn nhiều công chăm sóc cũng như thức ăn, vốn thu hồi nhanh. Do đó, nuôi chim bồ câu được xem là có hiệu quả cao hơn nhiều so với nuôi các loại gia súc, gia cầm khác. Tuy nhiên, để nuôi thành công loài vật này thì cần phải nắm rõ kỹ thuật. Thành phần thức ăn chính của chim là bắp, gạo, đậu xanh và 20% cám cùng với nguồn nước uống đảm bảo sạch. Tính chi phí thức ăn cho 100 cặp chim hết khoảng 1,5 triệu đồng/tháng. Chuồng trại nuôi chim bồ câu thật cần thông thoáng, đủ ánh sáng, có mái che, có ổ cho chim mái đẻ trứng. Chuồng trại nuôi khoảng 100 cặp chim bồ câu, cần diện tích khoảng 10m<sup>2</sup>. Ngoài ra, để chim sinh trưởng và phát triển tốt thì việc tiêm vaccin phòng bệnh định kỳ là thực sự cần thiết, tránh được những rủi ro với người chăn nuôi.

Bồ câu có đặc tính là vật nuôi sinh trưởng và phát triển nhanh, bồ câu mẹ có thể vừa đẻ vừa nuôi con vì vậy trung bình mỗi cặp đẻ từ 8- 9 lứa/năm. Mỗi tháng gia đình anh xuất bán hơn 200 cặp chim giống với giá thấp nhất là 180.000 đồng/cặp, lúc cao có thể lên tới 200-250 nghìn đồng/cặp. Với bồ câu thịt giá giao động từ 120 - 140 nghìn đồng/cặp. Sau khi trừ các khoản chi phí, chỉ tính riêng tiền bán con giống gia đình anh thu về trên 25 triệu đồng tiền

lãi/tháng, còn với chim thịt thì khoảng 14 triệu/tháng. Và mỗi năm mô hình nuôi chim mang về cho gia đình một khoản lãi khoảng trên 200 triệu đồng. Đây quả là một con số không hề nhỏ với một hộ dân ở nông thôn.

Bồ câu là 1 loại thực phẩm giàu dinh dưỡng, thơm ngon, lại có giá thành vừa phải nên hiện nay nhu cầu thị trường là rất lớn, khách hàng thường vào tận nơi đặt hàng, không phải mang đi tiêu thụ, nhiều khi không có đủ để cung cấp ra thị trường. Mô hình nuôi chim bồ câu của anh đã trở thành địa chỉ tin cậy để nhiều nông dân trong xã cũng như trong tỉnh đến thăm quan, học tập kinh nghiệm và mua con giống đang có giá trị kinh tế cao này.

Tìm được hướng đúng, phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình, cùng bản lĩnh dám nghĩ, dám làm, chuyên cần trong lao động sản xuất đã giúp anh Vũ Trọng Tạo làm giàu cho gia đình từ đó góp phần làm bộ mặt nông thôn thêm phần khởi sắc./.

**Huyền Trang**

# THOÁT NGHÈO TỪ NUÔI CON ĐẶC SẢN

**T**rong những năm trở lại đây, cùng với sự phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Giang có sự đóng góp không nhỏ từ các mô hình kinh tế tại địa phương. Làm giàu trên chính mảnh đất mình đang sống là hướng đi đúng đắn của những con người giàu ý chí và nghị lực.

Đến thôn Bắc II, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn thật không khó để tìm tới gia đình ông Vi Văn Cao - người có mô hình chăn nuôi dê hiệu quả, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Là một hộ có kinh tế khó khăn trong xã, ông Vi Văn Cao luôn mang trong mình trăn trở là làm sao để thoát khỏi cái đói, cái nghèo. Năm 2009, ông mạnh dạn vay vốn ngân hàng để phát triển chăn nuôi gà, lợn tại gia đình. Nhưng do thiếu kinh nghiệm trong chăn nuôi đặc biệt là vấn đề phòng dịch cho đàn vật nuôi nên dịch bệnh đã làm đàn lợn của ông chết gần hết. Mọi của cải, vốn liếng và bao hy vọng như tiêu tan, kinh tế gia đình vốn khó khăn lại càng trở lên khó khăn hơn. Tuy nhiên, quyết tâm thoát khỏi sự đeo bám của đói nghèo bấy lâu là động lực giúp ông gượng dậy và tiếp tục tìm hướng đi thích hợp cho mình. Sau nhiều đêm suy nghĩ làm sao để làm giàu trên mảnh đất quê hương thì tình cờ 1 lần khi xem tivi, ông Cao biết được mô hình chăn nuôi dê núi ở Ninh Bình, với

vốn đầu tư không lớn mà hiệu quả kinh tế mang lại không hề nhỏ. Mọi băn khoăn như được tháo gỡ từ đây, ông Cao quyết định sử dụng khu đồi thâu có diện tích 4ha của gia đình để chăn nuôi dê.

Năm 2010, ông Cao tiếp tục vay 20 triệu đồng từ anh em, bạn bè để đầu tư mua 6 con giống và xây dựng chuồng trại chăn nuôi dê. Nhưng do mới bắt đầu, còn chưa có nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi con vật mới nên dù dê là động vật ăn tạp, dễ nuôi, khả năng kháng bệnh cao mà dê của gia đình ông vẫn thường bị bệnh, chậm lớn. Quyết tâm khắc phục những vấn đề này để phát triển đàn dê, ông Cao đã tìm tới các mô hình chăn nuôi dê có hiệu quả trên địa bàn tỉnh cũng như ngoài tỉnh như: Ninh Bình, Hải Dương, Phú Thọ... để học hỏi và tích lũy kinh nghiệm cho mình. Sau một quá trình học tập, ông Cao đã trang bị cho mình những kiến thức và kinh nghiệm cần thiết để chăn nuôi dê có hiệu quả. Chỉ với 6 con dê cái giống khi mới bắt đầu, sau 6 tháng đàn dê của ông đã sinh sản được 16 con và chỉ sau 1 năm số lượng dê đã tăng lên tới 70 con. Tự tin với kiến thức và kinh nghiệm mình đã có, ông Cao tiếp tục mở rộng quy mô chăn nuôi và đến đầu năm 2012, đàn dê của ông đã tăng lên 160 con.

Theo ông Cao, so với nuôi lợn, trâu hoặc bò thì nuôi dê nhanh sinh lợi hơn vì

thời gian dê con trưởng thành và cho sinh sản chỉ trong vòng từ 7 đến 12 tháng (lúc này con dê sẽ đạt trọng lượng từ 35 – 40kg/con). Trung bình một năm dê cái lại sinh 02 lứa, mỗi lứa từ 2 – 3 con, về chuồng trại không đòi hỏi diện tích lớn nên cũng không tốn kém gì. Dê là động vật nhai lại, ăn tạp vì thể thức ăn của chúng cũng rất đơn giản gồm: Các loại cây bụi, cỏ trồng, cỏ mọc tự nhiên, các loại lá cây (mít, chuối, dâm bụt...), phế phẩm nông nghiệp (rơm, thân cây ngô, ngọn mía, dây đậu...), các loại củ quả (khoai lang, bí đỏ, chuối...), thức ăn tinh, thức ăn khoáng. Thức ăn thô xanh thường chiếm khoảng 55 – 70% khẩu phần ăn của dê nên tốn ít chi phí thức ăn. Ông cũng cho biết thêm: Hiện nay thị trường tiêu thụ thịt dê ở địa phương cũng như trong cả nước là rất lớn, các thương lái tới tận nhà ông thu mua để cung cấp cho các quán ăn với giá 60.000 đồng/kg (năm 2011), còn sang năm 2012, 2013 thì giá bán dê đực là 100.000đồng/kg, dê cái là 90.000đồng/kg. Một năm, gia đình ông Cao thu về trung bình hơn 100 triệu từ nuôi dê. Nhờ sự đầu tư đúng hướng mà đến nay gia đình ông đã trả hết nợ và thoát khỏi cái nghèo, ổn định cuộc sống, trở thành một hộ khá giả trong thôn, xã.

Chia sẻ về những kinh nghiệm nuôi dưỡng, chăm sóc đàn dê, ông Cao cho biết: Để đàn dê phát triển khỏe mạnh thì chuồng nuôi phải đảm bảo ở nơi khô ráo, sạch sẽ thông thoáng, tránh nắng nóng và ẩm ướt. Nền chuồng phải phẳng, nhẵn để dễ vệ sinh, có rãnh thoát phân và nước tiểu. Chuồng dê tốt nhất nên làm hướng

Đông Nam để mát về mùa hè ấm về mùa đông. Cũi, lồng, chuồng nuôi dê có thể làm bằng tre, gỗ hay tận dụng vật liệu sẵn có. Tất cả đều phải chắc chắn, gọn gàng không để dê chui qua, lọt chân. Sàn chuồng phải cách mặt đất từ 50–80 cm. Chuồng nuôi cần đảm bảo diện tích: Dê đực giống: 1,5 - 2 m<sup>2</sup>, dê thịt 0,6 m<sup>2</sup>. Một vấn đề không thể thiếu nữa để có thể nuôi dê đạt kết quả đó là, việc theo dõi sức khỏe đàn dê hàng ngày, không cho dê ăn thức ăn ươn, dính nước mưa, bùn đất. Cho dê uống nước sạch có bổ sung thêm một ít muối; vệ sinh sạch sẽ chuồng trại, sân chơi, máng ăn, uống hàng ngày, tiêu độc sát trùng chuồng trại chăn nuôi 2 tuần/lần; hàng ngày trước khi chăn thả và sau khi về chuồng phải kiểm tra từng con nhằm phát hiện những con bỏ ăn, đau ốm, loét miệng, chướng hơi đầy bụng để kịp thời điều trị; tách riêng những con bệnh với con khỏe để theo dõi và tránh lây lan trong đàn; định kỳ tẩy giun sán và tiêm phòng các loại vaccin để phòng bệnh truyền nhiễm cho dê như: Lở mồm long móng, đậu, tụ huyết trùng...

Không chỉ tập trung phát triển kinh tế cho gia đình mình, ông Cao còn luôn nhiệt tình chia sẻ những kinh nghiệm, kỹ thuật chăn nuôi dê hiệu quả cho những hộ dân cùng chăn nuôi dê trong thôn. Ông Cao tâm niệm, cùng nhau phát triển kinh tế, làm giàu cho gia đình cũng chính là làm giàu cho quê hương đất nước./.

**Nguyễn Thị Thảo**

# BẾP TIẾT KIỆM NHIÊN LIỆU TRƯỜNG GIANG

Sau nhiều năm mày mò nghiên cứu, thử nghiệm anh Thân Xuân Trường thôn Um Ngò, Việt Lập, Tân Yên đã sáng chế thành công “Bếp tiết kiệm nhiên liệu Trường Giang”, tận dụng được phụ phẩm nông nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và được nhiều người sử dụng.

Xã Việt Lập là một xã miền núi, người dân nơi đây chủ yếu sản xuất nông nghiệp nên kinh tế gặp nhiều khó khăn. Cũng như bao nhiêu người dân địa phương khác, anh Thân Xuân Trường đã phải lặn lội đi kiếm sống ở khắp nơi, vào tận miền Nam kiếm sống để nâng cao thu nhập cho gia đình.

Năm 2003, với kinh nghiệm về nghề cơ khí và một ít vốn trong tay, anh Trường quyết định trở về quê hương mở xưởng cơ khí. Lúc đầu, anh làm tất cả những sản phẩm cơ khí khi người dân đặt hàng. Bên cạnh đó, nhằm tận dụng những sản phẩm từ sản xuất nông nghiệp, gia đình anh còn chăn nuôi nhiều nên nhu cầu về chất đốt rất cao. Từ đó, anh đã nảy sinh ý tưởng sáng chế ra loại bếp có thể tận dụng được những phụ phẩm nông nghiệp như mùn cưa, vỏ lạc, trấu... giá thành lại thấp hơn so với dùng than tổ ong, than bùn và thời gian đun nấu giảm, đặc biệt là không gây ô nhiễm môi trường.

Lúc đầu, anh chỉ có ý định sáng chế một chiếc để phục vụ cho nhu cầu đun

nấu của gia đình nhưng sau một thời gian sử dụng bếp tiết kiệm nhiên liệu có nhiều lợi ích nên anh đã sản xuất thử vài chiếc bếp và gửi bán ở một số cửa hàng. Từ đó sản phẩm bếp tiết kiệm nhiên liệu đã được nhiều người sử dụng. Đến nay sản phẩm “Bếp tiết kiệm nhiên liệu Trường Giang” không chỉ có mặt ở các tỉnh thành trong cả nước như Nghệ An, Tuyên Quang, Cao Bằng, Sơn La... mà còn có mặt tại nước bạn Lào.

Với kích thước nhỏ gọn khoảng 3 – 5kg, bếp được thiết kế dạng hình nón, thân bếp được làm từ tôn chịu nhiệt, xung quanh có nhiều cửa hút gió lùa. Đặc biệt vành bếp được chế tạo bằng phối liệu chịu nhiệt, có thể chịu được nhiệt độ trên 1.300°C giúp cho những chất ẩm ướt hặc tươi có thể cháy nhanh, giảm thiểu khói hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường. Bếp có thể nâng đỡ được các cỡ nồi có dung tích từ 5 – 100 lít. Không những vậy người dùng có thể tiết kiệm 50 % nhiên liệu và thời gian đun nấu. Bếp có thể sử dụng từ 2 đến 3 năm. Khi sử dụng bếp không cần bễ thổi mà vẫn bén nhanh cháy được. Giá thành của một chiếc bếp từ 60 – 80 nghìn đồng, phù hợp với điều kiện kinh tế của người nông dân ở nhiều địa phương.

Từ những hiệu quả mà bếp Trường Giang đem lại cho người sử dụng nên 3 năm gần đây số lượng bếp sản xuất và cung cấp ra thị trường cũng tăng mạnh,



*Sản phẩm bếp tiết kiệm nhiên liệu của anh Thân Xuân Trường.*

bình quân một tháng khoảng 15.000 chiếc với giá từ 50 – 70 nghìn đồng/chiếc, trừ chi phí sản xuất, công lao động... cũng cho thu lãi khoảng 75 triệu đồng. Đặc biệt, năm 2011 mỗi ngày sản xuất và cung cấp 1.000 chiếc ra thị trường. Ngoài hiệu quả kinh tế, xưởng còn tạo công ăn việc làm ổn định cho hơn 30 lao động địa phương với thu nhập trên 4 triệu đồng/người/tháng.

Với những lợi ích mà bếp tiết kiệm nhiên liệu Trường Giang đem lại thì việc triển khai nhân rộng bếp tiết kiệm nhiên liệu là việc làm cần thiết, giúp tận dụng chất đốt, tiết kiệm điện, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Từ những ưu điểm đó nên sản phẩm bếp tiết kiệm nhiên liệu

Trường Giang đã nhận được nhiều giải thưởng như: Giải thưởng Lương Định Của năm 2009 dành cho Nhà nông trẻ xuất sắc do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trao tặng, Giải 3 cuộc thi Sáng tạo kỹ thuật nhà nông toàn quốc do Hội Nông dân Việt Nam tổ chức, năm 2011 được UBND tỉnh tặng giải thưởng “Vì môi trường”... Năm 2012 sản phẩm bếp tiết kiệm nhiên liệu Trường Giang được bình chọn là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu do Sở Công Thương tổ chức./.

**Đỗ Thị Thơm**



# CÙNG NÔNG DÂN VƯỢT KHÓ

**B** ằng nhiều hoạt động thiết thực, năm qua Hội Nông dân (HND) huyện Hiệp Hòa phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT, Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác vay vốn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo và nâng cao thu nhập.

Ông Lê Văn Vượng, thôn Đức Nghiêm, xã Ngọc Sơn bị bệnh viêm xương khớp đã nhiều năm, công việc nặng nhọc trong gia đình đều do một mình vợ cáng đáng. Vợ ông phải vất vả làm lụng lấy tiền chữa bệnh cho chồng và lo cho ba con nhỏ. Nhiều lúc ông thương vợ, thương con phải chịu cảnh thiệt thòi nhưng bệnh tật cứ đeo bám dai dẳng, cộng với không có chút vốn, nên có xoay sở cách nào cũng không khá nên được. Năm 2009, được sự giúp đỡ của HND xã Ngọc Sơn phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác cho gia đình ông vay 6 triệu đồng. Đến năm 2011, ông đã trả được nợ và vay tiếp 12 triệu đồng mua một con bò và một lợn nái để phát triển kinh tế. Sau một năm ông đã được thu hai lứa lợn và một con bê. Không dừng lại ở đó, với chút vốn ban đầu tích lũy được, ông nhận đầu thầu 3 ha để nuôi trồng thủy sản. Tuy cuộc sống còn nhiều khó khăn, thu nhập chưa cao, song với điều kiện như hiện tại giúp ông có tiền chữa bệnh, được lao động giúp đỡ vợ con và lo cho gia đình.

Không gặp phải hoàn cảnh khó khăn như gia đình ông Vượng, ông Nguyễn Văn Bình, thôn Ngọc Tân (Ngọc Sơn), mong muốn được vay vốn để phát triển kinh tế gia đình. Năm 2003, ông tiếp cận với nguồn vốn của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT thông qua nhận ủy thác của HND xã nhằm hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, vay 15 triệu đồng để cải tạo ao nuôi thủy sản và xây dựng chuồng trại chăn nuôi. Từ đó đến nay, nguồn vốn này giúp gia đình ông mạnh dạn tăng đàn vật nuôi, chủ động áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi. Mỗi năm ông nuôi từ 40 – 50 con lợn thịt/lứa, thu từ 5 – 6 tấn cá thương phẩm. Năm 2011 ông tiếp tục vay thêm 50 triệu đồng để kinh doanh thức ăn chăn nuôi cho người dân trên địa bàn. Bình quân một tháng, vừa phục vụ cho nhu cầu đàn vật nuôi của gia đình và cung cấp ra thị trường đạt 40 tấn, mỗi năm trừ chi phí ông thu về hơn 200 triệu đồng.

Ông Nguyễn Tiến Soạn, Chủ tịch Hội Nông dân Hiệp Hòa cho biết, đến nay toàn huyện có 26/26 xã, thị trấn có tổ chức HND phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT nhận ủy thác vay vốn, nâng mức dư nợ lên 163 tỷ đồng, Ngân hàng Chính sách xã hội 101 tỷ đồng, Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT trên 62 tỷ đồng cho 10.544 hộ vay vốn. Trong đó có chương trình cho vay hộ nghèo, xuất khẩu lao

động, giải quyết việc làm, cho vay phát triển kinh tế... Để thực hiện tốt chương trình này, HND phối hợp với ngân hàng và lãnh đạo các cấp thành lập các tổ tiết kiệm và vay vốn ở địa phương; tiến hành rà soát và lựa chọn các đối tượng được hưởng lợi, trong đó đặc



**Ông Lê Văn Vượng đang chăm sóc đàn lợn**

biệt chú trọng đến hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn và hộ thiếu vốn trong phát triển kinh tế. Các hộ có nhu cầu vay vốn sẽ đăng ký với các Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn, được ngân hàng tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn làm đơn, thủ tục, quy trình vay vốn và chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay đúng mục đích. Với những hộ vay vốn phát triển kinh tế, phải lập dự án sử dụng vốn vay, với mức vốn vay dưới 30 – 50 triệu đồng không cần tài sản thế chấp. Trong những năm qua, nguồn vốn này đã giúp nông dân trong huyện xóa đói, giảm nghèo và phát triển sản xuất, tăng thu nhập hộ gia đình. Cùng với giúp nông dân tiếp cận vốn, sau mỗi kỳ giải ngân, các cấp hội ở cơ sở luôn theo sát tình hình sử dụng nguồn vốn vay;

vận động hộ vay vốn tham gia các lớp học nghề, tập huấn, tham quan mô hình điểm để nguồn vốn cho vay được sử dụng đúng mục đích. “Phải giúp họ nâng cao đời sống, tăng thu nhập thì nguồn vốn vay mới quay vòng và cho hiệu quả cao”, ông Soạn nói.

Bằng những hoạt động hiệu quả của các cấp Hội trong toàn huyện, HND Hiệp Hòa luôn là một trong 4 tổ chức hội dẫn đầu toàn tỉnh về làm tốt công tác phối hợp, nhận ủy thác vay vốn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất; được Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đánh giá có chất lượng tín dụng tốt, quản lý và hướng dẫn người vay vốn sử dụng vốn vay hiệu quả./.

**Nguyễn Thị Tươi**

# LÀM GIÀU TỪ VÙNG ĐẤT CHIÊM TRƯNG

Nhờ ham học hỏi và biết vận dụng sáng tạo vào chăn nuôi cá, thủy cầm mà gia đình anh Phạm Văn Quý (sinh năm 1977) ở thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang đã chinh phục được vùng đất chiêm trũng, hoang hóa và vươn lên làm giàu trên chính mảnh đất quê hương.

### **Được truyền niềm đam mê từ người cha**

Sinh ra và lớn lên ở quê nhưng Phạm Văn Quý lại có nhiều năm lăn lộn ở Hà Nội làm thuê bằng nghề thợ nề. Khi đến tuổi 30, anh nhận thấy không thể cứ đi làm thuê mãi, vừa xa nhà, vừa kinh tế bấp bênh. Về quê, sẵn có vài sào ao nuôi cá, anh bắt tay vào mày mò học cách nuôi thủy sản. Bố anh, ông Phạm Văn Chép là người có tiếng trong thôn, xã về ham mê nghề nuôi cá. Ông vẫn còn giữ một quyển sách từ những năm 70, trong đó có một vài câu nói của Bác Hồ hướng dẫn về cách thức nuôi cá. Từ đây, được bố truyền niềm đam mê, anh Quý quyết định bám trụ ở quê và khởi nghiệp từ chính những con cá truyền thống.

### **Bạo dạn đầu tư**

Nhận thấy, trong thôn có nhiều diện tích cấy lúa không ăn chắc, nhiều diện tích thũng vũng, hồ đầm do trước đây dân lấy đất đóng gạch bỏ hoang, thuận lợi cho phát triển trang trại thủy sản, năm 2004 anh Quý đã có quyết định táo bạo đứng ra đấu thầu toàn bộ 43 mẫu (1 mẫu = 3.600m<sup>2</sup>) bỏ hoang và chuyển đổi 10

mẫu đất vằn, cấy lúa không hiệu quả của dân để quy hoạch thành một vùng nuôi thả cá rộng hơn 53 mẫu. Từ đây, anh mất 2 năm với gần 2 tỷ đồng (trong đó, bán 4 lô đất của gia đình trong làng + vay mượn) để đầu tư, đắp ô vùng, phân cách các hồ nuôi cá thịt, cá giống. Trong đó 30 mẫu, gồm 3 hồ dành nuôi cá thịt, còn lại là nuôi, ương cá giống. Bên cạnh đó, anh còn đầu tư hơn 200 triệu đồng để đổ bê tông con đường dẫn vào trang trại.

Anh xác định, muốn chăn nuôi hiệu quả không chỉ đầu tư về cơ sở vật chất mà yếu tố quyết định chính là kỹ thuật. Vì thế vừa được bố hướng dẫn phương thức chuyển đổi từ diện tích cấy lúa sang thủy sản, anh Quý còn lặn lội đến những nơi đã thành công trong nuôi thả cá trên diện tích chiêm trũng như Hải Dương, Hưng Yên để học hỏi kinh nghiệm về cách thức gột cá, kỹ thuật nuôi cá cho năng suất cao, phòng trị bệnh cho thủy cầm...

### **Đè chùng trong việc chọn đối tượng nuôi**

Từ kinh nghiệm, anh thấy nuôi cá truyền thống như chép, rô phi đơn tính,



*Anh Phạm Văn Quý thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, Hiệp Hòa cho cá ăn.*

mè... mặc dù giá bán không cao như cá đặc sản nhưng đầu ra tiêu thụ dễ bởi sự đại trà nên ngay từ đầu anh đã thiên về nuôi cá truyền thống và tổng hợp nhiều loài. Nhờ vậy mà anh ít gặp thất bại, luôn thu lãi dù có năm một trong những giống cá của anh bị chết rét nhiều.

Chỉ sau hơn 3 năm đầu tư, đến nay năm nào gia đình anh cũng xuất bán khoảng 40-50 tấn cá. Ngoài ra, anh còn kết hợp chăn nuôi khoảng 1 vạn con ngan, vịt mỗi năm. Tính ra, mỗi năm tổng thu nhập từ trang trại khoảng 6-7 tỷ đồng, lãi ròng gần 700 triệu đồng.

Lợi nhuận từ trang trại cao như vậy nhưng anh Phạm Văn Quý từ chối nhận mình là người làm kinh tế giỏi của huyện, bởi anh cho rằng với cách thức nuôi thả cá

của mình có thể cho thu khoảng 120 tấn mỗi năm. Chính vì thế, thời gian tới anh tiếp tục đầu tư nhiều hơn nữa về kỹ thuật nuôi ương cá giống, cá thịt kết hợp nhiều loại. Dám nghĩ, dám làm chắc chắn sẽ giúp anh Phạm Văn Quý thành công hơn nữa trong nuôi thả cá, làm giàu từ vùng đất chiêm trũng./.

**Phương Nhung**

## **PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI GẮN VỚI VĂN HÓA**

**B**ắc Giang là vùng đất giàu tiềm năng về du lịch sinh thái gắn với văn hóa đang được quan tâm đầu tư khai thác, mở ra triển vọng mới cho ngành “công nghiệp không khói”.

### **Tiềm năng lớn**

Các danh thắng có thể khai thác xây dựng thành những khu du lịch sinh thái lớn của tỉnh gồm: Hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần (Lục Ngạn); thắng cảnh Suối Mỡ, suối Nước Vàng (Lục Nam); Khe Rỗ, Đồng Thông thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử; hồ Khe Chảo, thắng cảnh Vực Rêu (Sơn Động)...

Trong đó, hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần, hồ Khe Chảo là những hồ nước đẹp rộng lớn, nằm giữa những dãy núi cao với những đảo thông, rừng cây và những đồi vải bạt ngàn xanh... Xung quanh các hồ là những bản làng người dân tộc thiểu số còn giữ được nhiều nét đẹp hoang sơ và những nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc của các tộc người.

Khu du lịch Khe Rỗ thuộc địa phận xã An Lạc có hàng nghìn loài động thực vật quý hiếm đang được bảo tồn. Khe Rỗ còn nổi tiếng là nơi có cảnh sắc rất nguyên sơ, ẩn chứa nhiều điều muốn khám phá dưới những cánh rừng già rậm rạp và những dòng suối, thác nước, ghềnh đá chênh vênh. Thắng cảnh thác Ba Tầng

(Khe Đin), thác Đồng Dương (Sơn Động) lung linh đẹp tựa như thác Bản Giốc...

Bắc Giang còn có hệ thống di tích và danh thắng dọc sườn Tây Yên Tử nằm rải rác tại các huyện: Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn và Sơn Động. Hệ thống này gắn liền với lịch sử phát triển của thiền phái Trúc Lâm do Giác Hoàng Điều Ngự Trần Nhân Tông sáng lập từ cuối thế kỷ XIII. Trong quy hoạch bảo tồn tổng thể hệ thống di tích và danh thắng Tây Yên Tử, tỉnh xác định đây là tuyến du lịch quan trọng kết hợp phát triển du lịch sinh thái và du lịch văn hóa.

Theo đó, một số điểm dừng chân đáng chú ý trong tuyến hành trình du lịch này là chùa Vĩnh Nghiêm, khu thắng cảnh Suối Mỡ, suối Nước Vàng, chùa Am Vãi. Tiếp theo trong chuyến hành trình Tây Yên Tử là khu du lịch sinh thái Đồng Thông và cuối cùng là chùa Đồng Yên Tử.

### **Tập trung khai thác**

Nhằm khai thác phát triển loại hình du lịch sinh thái gắn với du lịch văn hóa, những năm qua, tỉnh đã quan tâm đầu tư hệ thống hạ tầng như: Đường giao thông, hệ thống điện, thông tin liên lạc bảo đảm đến 100% các điểm du lịch sinh thái.

Trong khi ngân sách khó khăn tỉnh vẫn dành khoảng 100 tỷ đồng đầu tư hạ tầng cho dự án cải tạo cảnh quan, hệ



*Du khách thăm khu du lịch Suối Mỡ - Lục Nam.*

thống giao thông nội bộ khu du lịch Suối Mỡ (47 tỷ đồng), dự án xây dựng hạ tầng khu du lịch sinh thái Đồng Thông (khoảng 50 tỷ đồng) và một số dự án lồng ghép xây dựng các công trình phục vụ KT-XH khác để khai thác du lịch.

Cùng đó, các ngành, địa phương đẩy mạnh huy động nguồn xã hội hóa đầu tư phát triển dịch vụ như thuyền chèo khách tại các điểm du lịch hồ Cấm Sơn, Khuôn Thần, Khe Chảo; kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ... Tổ chức hội thảo “Du lịch Bắc Giang - Tiềm năng và phát triển”, hội thảo “Liên kết phát triển du lịch Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn”, tích cực tuyên truyền trên hệ thống truyền thông về tiềm năng, chính sách mời gọi đầu tư của tỉnh, đồng

thời tham gia trưng bày, quảng bá, giới thiệu về du lịch của tỉnh tại nhiều hội chợ triển lãm thương mại, du lịch.

Trong “Kế hoạch thực hiện Chương trình Phát triển du lịch Bắc Giang giai đoạn 2011- 2015”, tỉnh tập trung xây dựng hai loại hình sản phẩm du lịch chính, đó là du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng và du lịch văn hóa - tín ngưỡng. Tuy nhiên, do rất nhiều nguyên nhân nên việc đầu tư, khai thác du lịch sinh thái gắn với văn hóa còn hạn chế cần có sự điều chỉnh, bứt phá phù hợp./.

**Hà Yến**

## KỸ THUẬT NUÔI CÁ TRẮM CỎ

**C**á trắm cỏ tuy không phải là loài cá có chất lượng cao nhưng lại được bà con ta nuôi nhiều vì nó dễ nuôi và mau lớn. Nó là loài cá nước ngọt, thường được thả nuôi ở ao, hồ hoặc nuôi trong lồng, bè trên sông.

### I. Nuôi ở ao:

#### 1. Tẩy dọn ao:

- Tát hoặc tháo cạn, dọn sạch cỏ, tu sửa bờ, đặng cống, vét bùn nếu lượng bùn quá nhiều.

Bón vôi khắp đáy ao để diệt cá tạp và các mầm bệnh bằng cách rải đều từ 7 đến 10 kg vôi bột cho 100m<sup>2</sup> đáy ao.

- Sau tẩy vôi 3 ngày, bón lót bằng cách rải đều khắp ao từ 20-30 kg phân chuồng và 50 kg lá xanh cho 100m<sup>2</sup> (loại lá cây thân mềm để làm phân xanh). Lá xanh được băm nhỏ rải đều khắp đáy ao, vùi vào bùn hoặc bó thành các bó nhỏ từ 5 đến 7 kg đùm ở góc ao.

- Lấy nước vào ao ngập từ 0,3-0,4m, ngâm 5-7 ngày, vớt hết bã xác phân xanh, lấy nước tiếp vào ao đạt độ sâu 1m. Cần phải lọc nước vào ao bằng đặng hoặc lưới để phòng cá dữ, cá tạp xâm nhập.

Cá trắm cỏ sống ở tầng nước giữa, thức ăn chính là cây xanh như cỏ thân mềm, rau, bèo dâu, bèo tấm, lá chuối, lá sắn, cây chuối non băm nhỏ, rong, thân cây ngô non, cá trắm cỏ cũng ăn các loại bột ngô, khoai, sắn, cám gạo. Cá nuôi sau

10-12 tháng đạt trọng lượng từ 0,8-1,5 kg/con (trung bình 1 kg mỗi con).

#### 2. Thả cá giống:

- Có 2 thời kỳ thả cá giống :

Vụ xuân từ tháng 2 đến tháng 3;

Vụ thu từ tháng 8 đến tháng 9.

- Chọn thả cá giống lớn, khoẻ mạnh, không sây xát, không có bệnh.

- Mật độ thả từ 1-2 con cho 1m<sup>2</sup>. Cỡ cá thả 8-10cm.

#### 3. Quản lý - chăm sóc:

*Thức ăn:*

Thức ăn xanh gồm: Các loại cỏ, rong, bèo tấm, bèo dâu, lá chuối, lá sắn nên cho cá ăn đủ hàng ngày. Sau khi cá ăn cần vớt bỏ các cọng cỏ, cây, lá già cá không ăn được. Cho cá ăn thêm cám gạo, cám ngô... Cứ 100 con cho ăn từ 2 - 3 kg thức ăn xanh, sau tăng dần theo sự lớn lên của cá bằng cách theo dõi hằng ngày.

Muốn tăng trọng 1kg thịt cá trắm cỏ cần từ 30-40kg thức ăn xanh như: Rong, cỏ, bèo...

Với cỏ tươi cho ăn 30-40% trọng lượng thân; với rong, bèo cho ăn 70% trọng lượng thân.

*Quản lý ao:*

- Theo dõi thường xuyên bờ ao, cống thoát nước, xem mực nước ao vào các buổi sáng.

- Vào sáng sớm theo dõi xem cá có bị nổi đầu vì ngạt thở không, cá có nổi đầu kéo dài không. Nếu có, tạm dừng cho ăn

và thêm nước vào ao.

- Khi thấy cá bị bệnh hoặc chết rải rác cần hỏi cán bộ kỹ thuật hoặc khuyến ngư để biết cách xử lý.

#### 4. Thu hoạch:

- Sau 5 đến 6 tháng nuôi có thể đánh tủa số cá lớn để thu hoạch và thả bù cá giống để tăng năng suất nuôi. Phải ghi lại số lượng cá đã thu và thả lại sau mỗi lần đánh tủa (ghi cả số con và số kg cá).

- Cuối năm thu toàn bộ cá (có thể chọn những cá nhỏ giữ lại làm giống cho vụ nuôi sau).

Sau khi thu hoạch toàn bộ phải ghi lại sản lượng cá thu được (bao gồm cả cá đánh tủa và cá thu cuối năm) nhằm sơ bộ hạch toán trong quá trình nuôi để có cơ sở cho đầu tư tiếp ở vụ nuôi sau.

#### II. Nuôi ở lồng bè trên sông, hồ:

Lồng có dạng hình khối chữ nhật hoặc tròn, kích thước dài x rộng x cao.

Kích thước phổ biến hiện nay là: 3m x 2m x 1,7m hoặc 4m x 3m x 1,7m.

Lồng làm bằng tre hóp cả cây, gỗ hoặc nhựa composite. Hai đầu để khe hở từ 0,5-1cm để nước lưu thông dễ dàng, hai mặt bên và đáy thường bằng ván gỗ khít không để lọt thức ăn.

Nuôi ở sông có tốc độ dòng chảy 0,2-0,3 m/giây. Đặt mỗi cụm 20 lồng, các cụm cách nhau 150-200 m.

Nuôi ở hồ chứa nước lưu thông 0,1-0,2 m/giây. Nuôi cụm 15 lồng, các cụm đặt cách nhau 200-300m.

Trước khi thả cá giống vào nuôi, lồng bè phải được cải tạo, vệ sinh.

Đối với lồng bè phải cọ rửa sạch, phơi khô và dùng nước vôi hoặc Clorua

vôi phun đều toàn bộ lồng nuôi cá. Sau đó phơi khô 1-2 ngày, cọ rửa sạch và hạ thủy. Lồng đặt ngập nước 1,2-1,5m, cách đáy 3-4 m.

#### 1. Tiêu chuẩn cá giống, mật độ nuôi:

- Tiêu chuẩn cá giống:

+ Ngoại hình cân đối, không dị hình, vây, vẩy hoàn chỉnh, cỡ đồng đều, bơi lội nhanh nhẹn.

+ Không có dấu hiệu bệnh lý.

+ Kích cỡ cá 8-10cm.

- Mật độ nuôi:

+ Nuôi trong lồng bè mật độ từ 70-80 con/m<sup>3</sup>. Cá có trọng lượng lớn hơn thì 30-50 con/m<sup>3</sup>.

- Trước khi thả cá xuống ao, cá giống được khử trùng bằng ngâm tẩm trong nước muối 3% từ 10-15 phút.

- Thời vụ nuôi: Ở miền Bắc bắt đầu từ tháng 4.

#### 2. Thức ăn và chế độ cho ăn :

Thức ăn xanh: Cỏ, rong, bèo, lá ngô, sắn... Với cỏ tươi cho ăn 30-40% trọng lượng thân; với rong, bèo cho ăn 70% trọng lượng thân.

#### 3. Chăm sóc cá nuôi:

- Theo dõi hoạt động của cá:

Thường xuyên kiểm tra hoạt động của cá, nếu thấy cá bơi lội khác thường phải vớt lên kiểm tra.

Nếu nổi đầu do thiếu ôxy phải kéo lồng ra xa khu vực môi trường ô nhiễm. Có thể tăng cường khuấy sục khí làm tăng lượng ôxy hòa tan.

Kiểm tra sà ăn để xác định khả năng bắt mồi của cá để điều chỉnh thức ăn.

*(Xem tiếp trang 26)*



## KỸ THUẬT

# TRỒNG RAU MỒNG TƠI AN TOÀN

**M**ồng tưới hay mùng tưới có tên khoa học là *Basella alba* L., thuộc họ Mồng tưới (Basellaceae). Đây là loại cây dây leo quấn, mập và nhớt, sống hàng năm hay hai năm. Lá dày hình tim, mọc xen, đơn, nguyên, có cuống.

Cụm hoa hình bông mọc ở kẽ lá, màu trắng hay tím đỏ nhạt. Quả mọng, nhỏ, hình cầu hoặc trứng, dài khoảng 5-6mm, màu xanh, khi chín chuyển màu tím đen. Mồng tưới là cây rau mùa hè, nhiệt độ thích hợp 25-30°C. Cây mồng tưới mọc nhanh, dây có thể dài đến 10m. Về thành phần dinh dưỡng trong 100g rau cho ta 14 kcal, 580 mg Vitamin A, 72mg Vitamin C và các chất khoáng vi lượng.

**Công dụng:** Theo đông y, mồng tưới có vị chua ngọt, không độc, tính lạnh có tác dụng giải độc, thanh nhiệt, nhuận tràng. Rau mồng tưới chữa được nhiều loại bệnh như: Táo bón, đái dầm, kiết lỵ, là loại rau tốt cho người tiểu đường, trị nướu vú sưng, trị tiểu buốt, tăng sữa cho sản phụ sau sinh, trị vết thương, trị đau nhức xương khớp, chữa yếu sinh lý ở nam giới và chữa di hoạt tinh rất hiệu quả, nước ép từ quả dùng trị đau mắt và làm đẹp da...

Kỹ thuật trồng mồng tưới cần chú ý:

**Thời vụ:** Mồng tưới được gieo trồng chủ yếu trong vụ xuân và thu hoạch suốt vụ hè thu. Gieo trồng từ đầu tháng 3 đến

tháng 5, thu hoạch từ tháng 5 đến tháng 9. Tuy nhiên ở các tỉnh phía Nam có thể trồng quanh năm.

**Giống:** Có 3 loại giống mồng tưới phổ biến trong sản xuất như mồng tưới trắng có phiến lá nhỏ, thân mảnh, thân và lá có màu xanh nhạt. Mồng tưới tím có phiến lá nhỏ, thân và gân lá có màu tím đỏ và mồng tưới lá to nhập từ Trung Quốc, lá dày, màu xanh đậm, phiến lá to, thân mập, thường được trồng dày để dễ cắt tỉa cành non, ít nhớt và cho năng suất cao.

**Làm đất:** Chọn loại đất thịt nhẹ, thịt trung bình, đất cát pha, độ pH từ 6,0-6,7. Đất cày bừa kỹ, làm sạch cỏ trước khi gieo trồng. Làm luống rộng 1-1,2m, rãnh luống rộng 0,2-0,3m và cao 25-30cm.

**Mật độ khoảng cách:** Có thể gieo thẳng theo hàng hoặc gieo cây con rồi tỉa cây khi có 2-3 lá thật. Khoảng cách khoảng 20-25cm x 20cm/1 cây. Mật độ 16,5 vạn cây/ha, lượng hạt gieo khoảng 20-21 kg/ha.

**Phân bón:** Phân hữu cơ cần ủ thật lâu, xử lý diệt vi khuẩn theo hướng dẫn. Không nên dùng nước thải sinh hoạt chưa xử lý để tưới cho rau. Không nên dùng phân chế biến từ rác thải thành phố, vì trong loại rác thải này có chứa nhiều kim loại nặng. Phân hữu cơ nên trộn với phân lân bón lót, bón xong rồi cày đất hoặc bón theo luống. Trước lúc thu hoạch rau 7-10

ngày nên ngưng tưới phân đạm để lượng nitrat trong rau không quá cao.

Tùy theo từng loại đất, giống, các giai đoạn sinh trưởng của cây mà tính toán lượng phân bón hàng năm cho cây thích hợp. Đặc biệt là các loại phân có hàm lượng chất hữu cơ cao như phân hữu cơ khoáng Vedagro dạng viên có hàm lượng hữu cơ 45%; N: 9%;  $P_2O_5$ : 0,3%;  $K_2O$ : 4,5%, ngoài ra còn có một số dinh dưỡng trung lượng, vi lượng, axit amin và vitamin.

Chúng tôi khuyến cáo bón phân hữu cơ khoáng vedagro dạng viên cho 1.000 m<sup>2</sup> như sau: Mồng tơi trồng mới bón lót trước khi trồng 50 kg phân hữu cơ khoáng Vedagro + 50 kg phân lân. Thúc sau khi trồng 15 ngày bón 20 kg urê. Mồng tơi gốc, sau mỗi lần thu hoạch cần bón 50 phân hữu cơ khoáng vedagro .

Sau trồng khoảng 1 tháng thì thu hoạch, dùng dao sắc cắt gốc cách mặt đất 5-10cm. Từ đó trở đi khoảng 12-15 ngày lại thu được một lứa. Nên thu vào buổi sáng sớm, thu hoạch khi trời nắng nóng rau dễ bị héo, ôi, kém phẩm chất./.

**Lê Quang**

*Theo Nông nghiệp Việt nam*

## KỸ THUẬT NUÔI CÁ TRẮM CỎ...

*(Tiếp trang 24)*

...Cứ 3 ngày vệ sinh lồng cá 1 lần và kiểm tra lồng.

### **4. Phòng trị bệnh cho cá nuôi:**

Một số bệnh: Nấm thủy mi, trùng bánh xe, trùng quả dưa, sán lá đơn chủ. Mỗi loại bệnh có triệu chứng và bệnh lý riêng, cần thường xuyên theo dõi biểu hiện của cá để phòng trị.

Để chủ động phòng ngừa bệnh cho cá nuôi, trong quá trình nuôi nên tiến hành dùng vôi để cải tạo môi trường.

+ Đối với vôi: Đựng trong bao treo ở đầu nguồn nước, cách mặt nước khoảng 1/2 độ sâu của nước trong lồng. Liều lượng 3-4kg vôi cho 10m<sup>3</sup> nước trong lồng.

+ Sulphat đồng ( $CuSO_4$ ) phòng ký sinh đơn bào, liều lượng 50g/10m<sup>3</sup> nước, tuần 2 lần.

Không dùng thuốc, hóa chất kháng sinh đã cấm sử dụng./.

**Quang Vinh**

# BÀI THUỐC TỪ CÂY CHUỐI HỘT RỪNG

**C**ó bài thuốc dân gian cho rằng khoét cây chuối hột rừng ở gần gốc, lấy nước từ thân cây uống, sẽ giúp hạ đường huyết tự nhiên với người bị bệnh tiểu đường.

Chuối hột là một loại chuối cho trái có rất nhiều hột, nhất là chuối hột mọc ở rừng. Chuối hột rừng có tên khoa học là *Musa acuminata* Colla, thuộc họ chuối (*Musaceae*).

Chuối hột rừng có thân cao 3-4m, mọc tự nhiên rất nhiều ở các vùng miền núi nước ta như Trường Sơn, Tây Bắc, miền Trung, Bắc Trung Bộ... Khác với chuối trồng tại nhà, hoa chuối hột rừng mọc thẳng đứng, có màu đỏ thẫm.

Đặc điểm rất đáng chú ý là trái chuối hột rừng có rất nhiều hột, khi chín có màu vàng rất đẹp. Trái chuối hột càng nhỏ càng có nhiều nhựa, càng có nhiều chức năng chữa bệnh. Người dân tộc thường dùng chuối hột rừng để ngâm rượu uống rất ngon, nay trở thành bài thuốc được nhiều người sử dụng. Chuối hột rừng xắt mỏng, phơi khô, ngâm với rượu cao độ, càng lâu càng tốt, cho ra một loại rượu có màu vàng tươi đẹp, giống màu rượu ngoại, uống thơm và bổ dưỡng, có thể trị bệnh đau lưng nhức mỏi.

Toàn thân cây chuối hột rừng đều có thể làm thuốc chữa nhiều loại bệnh khác nhau. Trái chuối hột rừng có tác dụng chữa bệnh tiểu đường, viêm thận, tăng huyết áp. Có bài thuốc dân gian cho rằng khoét cây chuối hột rừng ở gần gốc, lấy nước từ thân cây uống, sẽ giúp hạ đường huyết tự nhiên với người bị bệnh tiểu đường.

**Xin giới thiệu một số bài thuốc từ cây chuối hột rừng:**

- Trị sỏi thận, sỏi bàng quang: Hạt chuối hột rang giòn, giã nát, sắc uống. Uống liên tục trong nhiều ngày, sỏi sẽ hết thành những viên nhỏ. Kết quả rất tốt. Muốn kiểm tra hiệu quả, sau khi uống thuốc, đi tiểu trong xô, sẽ thấy sạn sỏi dưới đáy xô.

- Trị táo bón ở trẻ: 1-2 trái chuối hột rừng chín, nướng lên cho trẻ ăn, khoảng mười phút sau là đi đại tiện được.

- Trị sỏi bàng quang: Trái chuối hột rừng xanh xắt mỏng, sấy khô, sao vàng, hạ thổ trong vài ngày, mỗi lần dùng 50-100g, sắc uống 2 lần trong ngày.

## PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

- Trị bệnh gút: Quả chuối hột rừng 3g, củ ráy rừng 4g, khổ qua 1g, tì giải 2g. Sao vàng hạ thổ, sắc uống.

- Trị hắc lào: Lấy nhựa từ trái chuối hột xanh bôi vào chỗ bị hắc lào sẽ bớt bệnh.

- Chữa viêm loét dạ dày: Quả chuối hột phơi khô, tán bột mịn, dùng uống hằng ngày.

- Xổ giun: Ăn quả chuối hột chín lúc đói, đẩy được giun ra ngoài.

Hoa chuối có vị hơi chát và ngon ngọt, là món ăn chữa bệnh rất tốt, những phụ nữ mới sinh con, thiếu sữa nên ăn hoa chuối (lược, làm nộm...). Ăn hoa chuối hoặc sắc nước uống làm thông tiểu, nước

tiểu trong, giúp thận hòa tan các loại axit dễ đóng cặn trong thận và bàng quang. Hoa chuối cũng là nguồn bổ sung chất xơ rất tốt thay cho các loại rau khác.

**Chú ý:** Không được ăn quả chuối rừng còn xanh vì rất dễ bị ngộ độc hoặc bị táo bón nặng vì chuối hột chưa chín có rất nhiều chất tanin./.

**BS. Hoàng Hà**

Hồng Nhung

### VIỆT YÊN THƠ MỘNG

Việt Yên ở giữa hai dòng sông  
Đón hạt phù sa tắm mát lòng.  
Xưa đuổi quân thù kinh Ải Bắc  
Nay dẹp thiên tai giữ đất đồng.  
Núi Nham chín chít đầu chi phượng  
Nhà máy muôn nơi vóc dáng rồng.  
Truyền thống anh hùng lưu vạn thuở  
Ấm lo hạnh phúc dưới cờ hồng./.